

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN V  
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST

Ngày 29-3-2024

V/v: “Ly hôn giữa chị H và anh B”.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Phạm Trường Nam.

**Các Hội thẩm nhân dân:**

- Bà Trần Thị Định.
- Ông Nguyễn Công Bằng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Kiều Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện

V.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2024 về việc: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1998. Nơi ĐKKHKT: Thôn BLV, xã C, huyện V, tỉnh Nam Định. Nơi ở hiện nay: Thôn CB, xã C, huyện V, tỉnh Nam Định. (có mặt).

- Bị đơn: Anh Phạm Ngọc B, sinh năm 1997. Nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn BLV, xã C, huyện V, tỉnh Nam Định. (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Qua sự tìm hiểu chị Phạm Thị H và anh Phạm Ngọc B tự nguyện kết hôn vào tháng 9 năm 2021, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Nam Định vào ngày 08 tháng 9 năm 2021. Sau khi kết hôn chị H và anh B chung sống hòa thuận hạnh phúc được có một thời gian ngắn thì đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do: Vợ chồng tính cách không hợp nhau và luôn bất đồng quan điểm sống từ đó đã dẫn đến trong cuộc sống vợ chồng thường xảy ra xô sát, cãi, chửi nhau, nên vợ chồng chung sống với nhau không có tình cảm và không được hạnh phúc, mâu thuẫn

ngày lại càng căng thẳng và trầm trọng hơn. Anh B chơi bời, nợ nần và không có công ăn việc làm ổn định. Ngoài ra chị H và anh B ở với nhau đã lâu nhưng không có con nên cuộc sống vợ chồng không có ràng buộc. Do đó đầu tháng 12 năm 2022 chị H đã phải bỏ về nhà bố, mẹ đẻ của chị ở thôn CB, xã C, huyện V để sinh sống và vợ chồng chị H đã sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm vợ chồng cũng như mọi quyền và nghĩa vụ vợ chồng với nhau suốt từ đó cho đến nay. Nay mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài và rất trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó chị H đề nghị Tòa án nhân dân huyện V xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Ngọc B.

Về con chung: Chị H và anh B không có con chung, nên chị H không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Chị H và anh B không có vì vậy chị H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại bản tự khai thì anh Phạm Ngọc B đã trình bày quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Nam Định vào năm 2021, nhưng chỉ chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 01 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, làm ăn thua lỗ dẫn đến vợ chồng khó khăn về kinh tế nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Anh chị sống ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm khoảng 3 tháng này. Nay chị H xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng anh không có con chung nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản, công nợ và những vấn đề khác có liên quan: Anh và chị H không có và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

***Tại phiên tòa:***

- Nguyên đơn là chị Phạm Thị H vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày ở trên và xin được ly hôn với anh B.

- Bị đơn là anh Phạm Ngọc B vắng mặt và không thông báo lý do vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, cũng như việc chấp hành pháp luật của đương sự.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố

tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H, cụ thể:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Phạm Ngọc B.

+ Về con chung: Chị Phạm Thị H và anh Phạm Ngọc B không có con chung nên không xem xét, giải quyết.

+ Về tài sản, công nợ chung và các nội dung khác: Các đương sự không đề nghị nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị H phải nộp theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Phạm Ngọc B đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn BLV, xã C, huyện V, tỉnh Nam Định. Do đó, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định thụ lý giải quyết vụ án dân sự về việc “Ly hôn” giữa chị Phạm Thị H và anh Phạm Ngọc B là đúng đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình tố tụng, bị đơn anh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 2 lần, nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh B.

[2] Về nội dung: Chị Phạm Thị H và anh Phạm Ngọc B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, nên hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống chị H và anh B đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng chủ yếu là do tính cách không hợp, luôn bất đồng quan điểm và do làm ăn thua lỗ dẫn đến vợ chồng khó khăn về kinh tế, nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, ngoài ra nguyên nhân cũng do vợ chồng sống với nhau đã lâu mà chưa có con. Anh chị đã sống ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm với nhau.

Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, anh chị đã thực sự không còn quan tâm đến nhau; từ lâu anh chị đã không thực hiện nghĩa vụ vợ, chồng phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc gia đình. Tại phiên tòa chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị được ly hôn với anh B.

Nay, xác định chị Phạm Thị H và anh Phạm Ngọc B không còn khả năng đoàn tụ và không còn tình cảm gì với nhau, nên quyền và nghĩa vụ về nhân thân trong mối quan hệ giữa vợ và chồng của chị H và anh B đã không đảm bảo với quy định tại các Điều 17, 18, 19 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận

yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H, xử lý hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Phạm Ngọc B là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Phạm Thị H và anh Phạm Ngọc B không có con chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Đương sự không đề nghị nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: Chị Phạm Thị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Phạm Ngọc B.

2. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000đ. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp tạm ứng án phí, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000792 ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Nam Định được đối trừ (Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm).

3. Chị Phạm Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Ngọc B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

#### ***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã C;
- Lưu Vp, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký tên và đóng dấu)*

**Phạm Trường Nam**